

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày 22-12-2020

“V/v tranh chấp HĐTD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hà.

Các Hội thẩm dân nhân: Ông Trần Hồng Sơn và ông Lê Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến - Thư ký TAND huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2016/TLST – KDTM ngày 22 tháng 03 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST – KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2020/TB-TA ngày 23/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-KDTM ngày 26/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A, Trụ sở: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, T.P Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đăng H và bà Bùi Thị Tr – Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP A (ông H có mặt, bà Tr vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Như D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt);

Bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1984, Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, chết ngày 05/01/2015.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị Th (đều vắng mặt):

1/ Ông Phạm Như D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (chồng bà Thúy);

2/ Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn P, xã Đại Đồng, huyện V, tỉnh Hưng Yên (bố mẹ đẻ bà Thúy);

3/ Cháu Phạm Thị Khánh L1, sinh năm 2006 và cháu Phạm Minh Q, sinh năm 2008 (con bà Th) do ông Phạm Như D là người đại diện hợp pháp;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Như Sơn, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 07/02/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (sau đây gọi tắt là ACB) và vợ chồng ông Phạm Như D bà Trịnh Thị Th đã ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số VLM.CN.01070213, có nội dung:

- Tổng mức cấp tín dụng: 650.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng*)

- Phương thức vay: Cho vay theo hạn mức.

- Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh.

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: Theo từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay. Sau đó, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS13 + 5.7\% + X$.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th đã được ACB giải ngân bằng các Khế ước nhận nợ (KUNN) số 01 – STK: 154593609 ngày 07/02/2013 và Khế ước nhận nợ số 02 – STK: 162828579 ngày 13/07/2013. Hai bên cũng đã ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng số VLM.GH.CN.01240913 ngày 24/09/2013. Do các khoản vay đã đáo hạn nhưng ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ACB. Do đó, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ

vay còn thiếu của các Khế ước nhận nợ sang nợ quá hạn. Cụ thể tính đến ngày 22/12/2020, ông Dũng bà Thúy còn nợ ACB:

- Vốn gốc: 324.113.834đ
- Lãi trong hạn: 3.724.093đ
- Phạt chậm trả: 74.423đ
- Lãi quá hạn: 454.138.557đ

2. Ngày 07/02/2013, ACB đã cấp tín dụng: 30.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng*) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất/kinh doanh/dịch vụ/phục vụ đời sống, hợp đồng hạn mức thấu chi số VLM.TC.VN.01070213 cùng ngày 07/02/2013. Cụ thể như sau:

- Thời hạn vay: 01 năm (từ ngày 07/02/2013 đến ngày 07/02/2014)
- Phương thức vay: Cho vay theo món.
- Mục đích: Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống.
- Lãi suất vay được quy định như sau:
 - + Lãi suất trong hạn: Chi tiết theo quá trình vay.
 - + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Do khoản vay đã đáo hạn nhưng ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ACB. Do đó, ngày 07/02/2014, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/12/2020, ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th còn nợ ACB:

- Vốn gốc : 28.341.096 đồng.
- Lãi trong hạn : 925.809 đồng.
- Phạt chậm trả : 14.999 đồng.
- Lãi quá hạn : 40.013.685 đồng.

3. Các khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm: Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Như Sơn, bà Nguyễn Thị Liên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số

VLM.BĐ.CN.01070213 ngày 07/02/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Bắc Ninh, số công chứng 109/2013/HĐTC. Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/02/2013 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ngày 07/02/2013.

4. Vi phạm của ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ACB đã nhiều lần thông báo, đôn đốc trả nợ. Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn, ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th đã có đơn đề nghị gia hạn nợ và được ACB chấp thuận nhưng bên vay vẫn không thực hiện. Lần ông Phạm Như D thanh toán gần nhất là ngày 30/08/2019, số tiền 20.000.000đ. Tính đến ngày 22/12/2020, ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th còn nợ ACB theo hai HĐ tín dụng nêu trên là:

- | | | |
|----|---------------|---------------------|
| 1. | Vốn gốc | : 352.454.930 đồng. |
| 2. | Lãi trong hạn | : 4.649.902 đồng. |
| 3. | Phạt chậm trả | : 89.422 đồng. |
| 4. | Lãi quá hạn | : 494.152.242 đồng |
| 5. | Tổng cộng | : 851.346.496 đồng. |

(Bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng).

Ngoài hai Hợp đồng nêu trên, tại đơn khởi kiện ngày 04/03/2016, ACB còn yêu cầu bà Trịnh Thị Th và ông Phạm Như D phải trả khoản vay 20.000.000đ và lãi xuất theo thẻ tín dụng số 4791382529108488 do ACB cấp cho bà Thúy ngày 07/02/2013. Đến ngày 06/05/2016, ACB đã có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu ông Dũng bà Thúy trả nợ đối với khoản thẻ số 4791382529108488, số tiền 20.000.000đ.

Sau khi nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án và Tòa án đã thụ lý vụ án thì ACB mới biết bà Trịnh Thị Th đã chết ngày 15/01/2015. Tại Biên bản làm việc ngày 23/11/2020 với đại diện ủy quyền của ACB ông Phạm Như D nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ các khoản vay của vợ chồng ông Dũng tại ACB phòng giao dịch V, Hưng Yên và ACB đồng ý.

Tại phiên tòa, ACB xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt chậm trả là 89.422đ. Do vậy ACB yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Như D phải thanh toán trả ACB số tiền 851.257.074 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu hai trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng*) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ ngày 23/12/2020 đến ngày trả hết nợ gốc. Cụ thể tính đến ngày 22/12/2020:

1. STK 154593609

Lãi trong hạn:

- Từ ngày 05/09/2013 đến ngày 07/11/2013 là 63 ngày:
 $180.903.834đ \times 14\%/năm \times 63 \text{ ngày}$
- Từ ngày 07/11/2013 đến ngày 24/12/2013 là 47 ngày:
 $180.903.834đ \times 13\%/năm \times 47 \text{ ngày}$
- Tổng lãi: 7.502.484đ
- Đã trả: 6.261.283đ
- Còn lại: 1.241.201đ

Lãi quá hạn:

- Từ ngày 24/12/2013 đến ngày 08/10/2016 là 960 ngày:
 $180.903.834đ \times 19.5\%/năm \times 960 \text{ ngày}$
- Từ ngày 08/10/2016 đến ngày 05/07/2017 là 329 ngày:
 $177.903.834đ \times 19.5\%/năm \times 329 \text{ ngày}$
- Từ ngày 05/07/2017 đến ngày 01/11/2017 là 119 ngày:
 $174.813.834đ \times 19.5\%/năm \times 119 \text{ ngày}$
- Từ ngày 01/11/2017 đến ngày 30/08/2019 là 667 ngày:
 $171.813.834đ \times 19.5\%/năm \times 667 \text{ ngày}$
- Từ ngày 30/08/2019 đến ngày 22/12/2020 là 480 ngày:
 $151.813.834đ \times 19.5\%/năm \times 480 \text{ ngày}$
- Tổng lãi: 238.588.651đ
- Đã trả: 7.316.548đ

- Còn lại: 231.272.103đ

2. STK 162828579

Lãi trong hạn:

- Từ ngày 05/12/2013 đến ngày 13/01/2014 là 39 ngày:

$176.300.000\text{đ} \times 13\%/năm \times 39 \text{ ngày} = 2.482.892\text{đ}$

Lãi quá hạn:

- Từ ngày 13/01/2014 đến ngày 22/03/2014 là 68 ngày:

$176.300.000\text{đ} \times 19.5\%/năm \times 960 \text{ ngày}$

- Từ ngày 22/03/2014 đến ngày 06/05/2017 là 1.141 ngày:

$176.300.000\text{đ} \times 18.75\%/năm \times 1.141 \text{ ngày}$

- Từ ngày 06/05/2017 đến ngày 22/12/2020 là 1.326 ngày:

$172.300.000\text{đ} \times 18.75\%/năm \times 1.326 \text{ ngày}$

- Tổng lãi: 230.258.352đ

- Đã trả: 7.391.898đ

- Còn lại: 222.866.454đ

3. STK 154594319

Lãi trong hạn:

- Từ ngày 15/11/2013 đến ngày 02/07/2014 là 84 ngày:

$28.341.096\text{đ} \times 14\%/năm \times 84 \text{ ngày} = 2.482.892\text{đ} = 925.809\text{đ}$

Lãi quá hạn:

- Từ ngày 07/02/2014 đến ngày 22/12/2020 là 2.510 ngày:

$28.341.096\text{đ} \times 21\%/năm \times 2.510 \text{ ngày} = 41.496.088\text{đ}$

- Đã trả: 1.482.403đ

- Còn lại: 40.013.685đ

Tổng nợ gốc và lãi của ba tài khoản: 851.257.074 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu hai trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng*).

Nếu ông Phạm Như D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Như Sơn, bà Nguyễn Thị Liên.

Nếu tiền phát mại không đủ trả nợ thì ông Phạm Như D phải có nghĩa vụ trả nợ cho ACB cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Phạm Như D đã được Tòa án triệu tập họp lệ và tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người thừa kế của bà Thúy là ông Dũng, cháu Linh, cháu Quân do ông Dũng là người đại diện hợp pháp không có lời khai tại Tòa án. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Xuân L và bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Ông, bà là bố mẹ đẻ của bà Thúy. Ông, bà không biết và không liên quan gì đến các khoản nợ của ông Dũng, bà Thúy tại ACB. Sau khi bà Thúy chết thì ông bà không được thừa hưởng di sản gì của bà Thúy nên ông bà không có trách nhiệm trả nợ cho ACB. Ông bà xin xét xử vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sơn vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị Liên trình bày: Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Như Sơn, bà Nguyễn Thị Liên. Ngày 07/02/2013 vợ chồng bà đã ký thế chấp cho ACB để bảo đảm các khoản vay của vợ chồng ông Phạm Như D bà Trịnh Thị Th. Hiện nay vợ chồng bà không có khả năng thanh toán trả thay cho vợ chồng Thúy Dũng.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa:

1. Phần thủ tục: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của bị đơn, người kế thừa quyền lợi và

nghĩa vụ của bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã tổng đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định của pháp luật.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ: *Điều 26, 30; 35; 39; 74; 147; 157; 227; 235; 264 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 317, 318, 319, 335, 336, 339, 463, 466, 615, 623, 688 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Như D phải thanh toán trả ACB số tiền 851.257.074 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu hai trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng*) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 23/12/2020 đến ngày trả hết nợ.

Nếu ông Phạm Như D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Như Sơn, bà Nguyễn Thị Liên.

Nếu tiền phát mại không đủ trả nợ thì ông Phạm Như D phải có nghĩa vụ trả nợ cho ACB cho đến khi thanh toán xong gốc và lãi.

2/ Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số VLM.CN.01070213 ngày 07/02/2013 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số VLM.TC.VN.01070213 ngày 07/02/2013 (sau đây gọi tắt là HĐTD) được ký kết giữa ACB chi nhánh V, Hưng Yên với ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th, địa chỉ: xã K1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh được xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại các Điều 26, 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ngày 26/11/2020, ông Dũng, người thừa kế của bà Thúy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do, HĐXX đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, những người này vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét các Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số VLM.CN.01070213 ngày 07/02/2013 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số VLM.TC.VN.01070213 ngày 07/02/2013 được ký kết giữa ACB chi nhánh V, Hưng Yên và ông Phạm Như D và bà Trịnh Thị Th thì thấy các HĐTD được ký kết giữa người đại diện có thẩm quyền của ACB với ông Dũng, bà Thúy là những người có đủ năng lực dân sự, nội dung và hình thức của Hợp đồng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Thời điểm hai bên ký HĐTD là ngày 07/02/2013. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của thống đốc ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 thì mức lãi xuất hai bên thỏa thuận là phù hợp được chấp nhận. Theo khế ước nhận nợ lãi xuất được điều chỉnh tăng, giảm theo quy định của ngân hàng.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VLM.BĐ.CN.01070213 ngày 07/02/2013 (sau đây gọi tắt là HĐTCTS) được công chứng tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Bắc Ninh, số công chứng 109/2013/HĐTC. Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/02/2013 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ngày 07/02/2013 thì thấy: Nội dung HĐTCTS là sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng đã được chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Như vậy, HĐTD và HĐTCTS giữa các đương sự trong vụ án đã bảo đảm về nội dung và hình thức hợp đồng đúng pháp luật nên có hiệu lực thi hành, các bên tham gia ký hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, thực hiện việc giải ngân cho bên vay. Tuy nhiên

bên vay không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận theo hợp đồng mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, gia hạn nhiều lần. Tính đến ngày 22/12/2020, ông Dũng bà Thúy còn nợ ACB số tiền là 851.257.074 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu hai trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng*) gồm:

1. Vốn gốc : 352.454.930 đồng.
2. Lãi trong hạn : 4.649.902 đồng.
3. Lãi quá hạn : 494.152.242 đồng

Vì bên vay vi phạm hợp đồng, thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tại biên bản làm việc ngày 23/11/2020 giữa người đại diện của ACB với ông Phạm Như D, ông Dũng nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ của vợ chồng vay tại ACB phòng giao dịch Vân Lâm Hưng Yên và được người đại diện của ACB đồng ý nên buộc ông Dũng phải có trách nhiệm trả cho ACB số nợ gốc và lãi theo các HĐTD đã ký kết là phù hợp pháp luật. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên ACB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tại HĐTCTS để thu hồi nợ.

ACB đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản thẻ số 4791382529108488, số tiền 20.000.000đ và tiền phạt chậm trả nên HĐXX không đề cập giải quyết trong bản án này.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với số tiền phải trả theo HĐ cấp tín dụng hạn mức số VLM.CN.01070213 là $781.976.484đ = 20.000.000đ + 4\% \times 381.976.484đ = 35.279.000đ$; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số VLM.TC.VN.01070213 là $69.244.590 \text{ đồng} \times 5\% = 3.462.000đ$; và phải hoàn trả nguyên đơn tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà nguyên đơn đã nộp là 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 30; 35; 39; 74; 147; 157; 227; 235; 264 và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 317, 318, 319, 335, 336, 339, 463, 466, 615, 623, 688 và các quy định của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của thống đốc ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu đối với ông Phạm Như D về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Phạm Như D phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tổng số tiền tính đến ngày 22/12/2020 là 851.257.074 đồng (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu hai trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng), gồm: 352.454.930 đồng nợ gốc, 4.649.902 đồng nợ lãi trong hạn, 494.152.242 đồng nợ lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ ngày 23/12/2020 đến ngày trả hết nợ gốc.

3. Trường hợp ông Phạm Như D không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì ACB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VLM.BĐ.CN.01070213 ngày 07/02/2013 để thu hồi nợ.

Nếu tiền phát mại không đủ trả nợ thì ông Phạm Như D phải có nghĩa vụ trả nợ cho ACB cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- Ông Phạm Như D phải chịu 35.279.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 3.462.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền 12.622.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/00504 ngày 08/03/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Phạm Như D phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên có trách nhiệm hoàn trả ACB số tiền 5.000.000đ mà ACB đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Vương Thị Hà